

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CCĐ4 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122067101705 - V t l ấ L i c ng 2 H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H V i T c N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671041107	36CCĐ4	Hu ấ nh T n An	12/10/1993				7.0			7.0	2.1	4.0	2.8	4.9	
2	3671041967	36CCĐ4	Tr n Qu c B o	14/08/1994				7.0			7.0	2.1	6.3	4.4	6.5	
3	3671041109	36CCĐ4	Nguy n ấ nh Công	10/02/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
4	3671041178	36CCĐ4	Nguy n C ấ ng Danh	23/08/1993				5.0			5.0	1.5	2.3	1.6	3.1	
5	3671041123	36CCĐ4	Ph m Thanh Danh	01/11/1994				5.0			5.0	1.5	3.3	2.3	3.8	
6	3671041140	36CCĐ4	Nguy n Kh ấ nh Duy	13/04/1994				4.0			4.0	1.2	2.8	2.0	3.2	
7	3671041132	36CCĐ4	Tr n Quang D ấ g	27/12/1993				5.0			5.0	1.5	4.0	2.8	4.3	
8	3671041263	36CCĐ4	Phan Anh ấ o ấ	10/06/1994				6.0			6.0	1.8	7.5	5.3	7.1	
9	3671041950	36CCĐ4	Lê Hoàng ấ c	25/03/1994				4.0			4.0	1.2	3.5	2.5	3.7	
10	3671041496	36CCĐ4	Ho ấ ng V ấ nh ấ c	13/06/1994				6.0			6.0	1.8	1.0	0.7	2.5	
11	3671041222	36CCĐ4	Nguy n Ch ấ Gi ấ u	26/10/1994				7.0			7.0	2.1	7.8	5.5	7.6	
12	3671041994	36CCĐ4	Nguy n Ph ấ c H u	21/06/1994				5.0			5.0	1.5	2.8	2.0	3.5	
13	3671041141	36CCĐ4	Nguy n V ấ nh H u	10/07/1994				4.0			4.0	1.2	3.5	2.5	3.7	
14	3671041197	36CCĐ4	ấ ng V ấ nh Hi n	11/03/1994				5.0			5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	
15	3671041173	36CCĐ4	Nguy n Quang Hi u	28/03/1994				5.0			5.0	1.5	3.0	2.1	3.6	
16	3671041475	36CCĐ4	Nguy n Trung Hi u	11/11/1994				4.0			4.0	1.2	3.5	2.5	3.7	
17	3671041087	36CCĐ4	ấ ng Th ấ i Hòa	01/06/1994				4.0			4.0	1.2	4.8	3.4	4.6	
18	3671042030	36CCĐ4	ấ Thanh Hùng	02/10/1994				7.0			7.0	2.1	3.8	2.7	4.8	
19	3671041457	36CCĐ4	V i V ấ nh H ng	09/02/1989				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP

B NG ãI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CCĐ4 Nĩm h c : 2012-2013 ã VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ãT : H c ph n : 122067101705 - V t lĩ E i c ng 2 H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñI M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñI M THI	QUY TS : 70.00%	ñI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671041100	36CCĐ4	Nguy n ã c Kiên	14/02/1991				8.0			8.0	2.4	0.0	0.0	2.4	N HP
21	3671041079	36CCĐ4	B ỉ Tu n Kĩ t	07/11/1994				4.0			4.0	1.2	3.8	2.7	3.9	
22	3671041047	36CCĐ4	Nguy n Tr ng Kĩt	22/04/1993				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
23	3671041460	36CCĐ4	Tr n ã c Khánh	10/05/1994				5.0			5.0	1.5	3.0	2.1	3.6	
24	3671041167	36CCĐ4	Tr nh Huynh Qu c Khánh	02/09/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	
25	3671041170	36CCĐ4	ñ ng Anh Khoa	09/03/1992				6.0			6.0	1.8	2.8	2.0	3.8	
26	3671041080	36CCĐ4	Nguy n V ãĩh Khoa	12/12/1994				6.0			6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	
27	3671041144	36CCĐ4	Nguy n V H O Linh	12/08/1994				5.0			5.0	1.5	4.8	3.4	4.9	
28	3671041213	36CCĐ4	Kĩ u Phi Long	10/11/1994				7.0			7.0	2.1	8.3	5.8	7.9	
29	3671041218	36CCĐ4	Tr n Kh ãnh Minh	31/10/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
30	3671041519	36CCĐ4	Tr n V ãĩh Nam	31/08/1994				5.0			5.0	1.5	5.3	3.7	5.2	
31	3671041244	36CCĐ4	Nguy n V ãĩh Nghĩa	15/02/1993				7.0			7.0	2.1	0.0	0.0	2.1	N HP
32	3671041209	36CCĐ4	Bùi Quang Nhã	20/07/1994				5.0			5.0	1.5	4.0	2.8	4.3	
33	3671042012	36CCĐ4	Ph m V ãĩh Pháp	15/10/1993				5.0			5.0	1.5	3.3	2.3	3.8	
34	3671041073	36CCĐ4	L ² V ãĩh Phú	14/08/1994				4.0			4.0	1.2	1.8	1.3	2.5	
35	3671041984	36CCĐ4	Ng» H u Thi ² n Ph ng	04/12/1994				6.0			6.0	1.8	4.5	3.2	5.0	
36	3671041155	36CCĐ4	Nguy n Thanh Ph ng	17/06/1993				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
37	3671041053	36CCĐ4	Ngô Minh Quang	25/02/1993				5.0			5.0	1.5	3.8	2.7	4.2	
38	3671041036	36CCĐ4	L ² Th Quý	1994				5.0			5.0	1.5	4.0	2.8	4.3	

B NG ấI M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CCĐ4 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122067101705 - V t l ầ L i c ng 2 H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H V i T c N		NGÀY SINH	ấI M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấI M THI	QUY TS : 70.00%	ấI M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3671041293	36CCĐ4	Lê Minh	Tân	26/07/1994				5.0			5.0	1.5	3.8	2.7	4.2	
40	3671041103	36CCĐ4	ấ ồ ng Thi ² n	T n	05/08/1992				6.0			6.0	1.8	4.8	3.4	5.2	
41	3671042048	36CCĐ4	L² V ấ	Ti n	28/01/1993				7.0			7.0	2.1	1.3	0.9	3.0	
42	3671041533	36CCĐ4	Ng» V ấ	Ti p	06/02/1993				7.0			7.0	2.1	2.8	2.0	4.1	
43	3671041208	36CCĐ4	Nguy n H ng	Toàn	26/11/1992				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
44	3671041192	36CCĐ4	Nguy n H u	Toàn	04/08/1993				5.0			5.0	1.5	4.0	2.8	4.3	
45	3671041106	36CCĐ4	Nguy n Tr ng	Toàn	17/01/1994				5.0			5.0	1.5	5.8	4.1	5.6	N HP
46	3671041520	36CCĐ4	Châu Hoàng	Tu n	02/10/1993				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
47	3671041202	36CCĐ4	Phan S	Tú	28/02/1994				7.0			7.0	2.1	3.0	2.1	4.2	
48	3671041078	36CCĐ4	Nguy n V ấ	Túc	1994				4.0			4.0	1.2	3.0	2.1	3.3	
49	3671041171	36CCĐ4	VH L ầ C» ng	Thành	26/09/1993				7.0			7.0	2.1	0.0	0.0	2.1	
50	3671041148	36CCĐ4	V ½ V ấ	Th ch	14/03/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
51	3671041180	36CCĐ4	L² Chi n	Th ng	26/11/1994				5.0			5.0	1.5	2.3	1.6	3.1	
52	3671041139	36CCĐ4	Nguy n Th ồ nh	Tr ng	02/07/1994				5.0			5.0	1.5	6.0	4.2	5.7	
53	3671041531	36CCĐ4	V ½ Th Ho ồ ng	Y n	09/07/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP

T ng s : 53 h c sinh sinh vi² n
Tp.HCM, ngày / /
Tr ng Khoa Gi ồ V i² n B M» n Gi ồ V Khoa